

Số: 19 /KH-TTKSBT

Gia Lai, ngày 08 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Kế hoạch hoạt động Phòng chống HIV/AIDS
bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật số 64/2006/QH11 Phòng, chống nhiễm virus gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);
- Luật số 71/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm virus gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);
- Nghị định số 63/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);
- Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);
- Quyết định 1246/QĐ-TTg ngày 14/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030.
- Thông tư số 07/2023/TT-BYT ngày 04/4/2023 của Bộ Y tế về Hướng dẫn quy trình, phương pháp giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và giám sát các bệnh lây truyền qua đường tình dục;
- Thông tư số 09/2021/TT-BYT ngày 30/6/2021 của Bộ Y tế về Quy định quy trình, thời điểm, số lần xét nghiệm HIV trong thời kỳ mang thai, khi sinh con, cho con bú và các biện pháp nhằm giảm lây nhiễm HIV từ mẹ sang con;
- Công văn số 3033/BYT-KHTC ngày 02/6/2020 của Bộ Y tế về việc xây dựng Kế hoạch và bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đã được bố trí từ ngân sách Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số cho giai đoạn 2021-2025;
- Công văn số 7272/BYT-KHTC ngày 27/12/2020 của Bộ Y tế về việc triển khai các giải pháp để duy trì và nâng cao các kết quả của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn tới;
- Quyết định số 4883/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS để

thực hiện mục tiêu chấm dứt bệnh AIDS vào năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Thực hiện Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác y tế dự phòng – dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Thực hiện theo Quyết định số 2600/QĐ-SYT ngày 04 tháng 09 năm 2025 của Sở Y tế Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch Hoạt động Phòng chống HIV/AIDS bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025.

II. MỤC TIÊU:

- 90% số người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình.

- 90% số người đã chẩn đoán nhiễm HIV đang được quản lý, tham gia điều trị thuốc kháng vi rút HIV (ARV).

- 95% số người điều trị ARV được xét nghiệm tải lượng vi rút có tải lượng vi rút HIV thấp dưới ngưỡng ức chế.

- *Nhóm chỉ tiêu tác động*

- + Tỷ lệ phát hiện nhiễm mới HIV hằng năm trong cộng đồng (tính trên dân số) đạt mức $\leq 0,1\%$.

- + Tỷ lệ người nhiễm HIV tử vong liên quan đến HIV/AIDS dưới 1,0/100.000 dân;

- + Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con xuống dưới 2%.

III. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

Trong 6 tháng cuối năm 2025, tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

IV. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Mục tiêu 1: 90% số người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình

Chỉ tiêu:

- Số người phát hiện nhiễm mới HIV dưới 100 người/6 tháng.

- Số mẫu xét nghiệm giám sát phát hiện HIV với số lượng 20.000 mẫu (do chương trình cấp sinh phẩm xét nghiệm sàng lọc HIV miễn phí).

- Số người tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone là 75 bệnh nhân.

- Số người tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV bằng thuốc kháng HIV (PrEP) ít nhất 01 lần trong năm là 100 bệnh nhân.

a) Hoạt động truyền thông phòng, chống HIV/AIDS:

- Thực hiện truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng trong Tháng Hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS.

- Ngành Y tế phối hợp với Báo Gia Lai đăng tin, xây dựng chuyên đề về các nội dung phòng, chống HIV/AIDS;

- Các xã, phường tổ chức tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS trong Tháng Hành động Quốc gia phòng, chống AIDS.

- Các xã, phường lồng ghép tổ chức truyền thông về chăm sóc y tế tại cộng đồng dân cư, trong đó có nội dung tuyên truyền và nói chuyện chuyên đề phòng, chống HIV/AIDS cho người dân trên địa bàn quản lý.

- Tăng cường truyền thông về lợi ích của việc tiếp cận sớm các dịch vụ dự phòng, xét nghiệm và điều trị HIV, lợi ích của việc tham gia bảo hiểm y tế qua các kênh như tivi, đài, báo, mạng xã hội, website ..;

b) Hoạt động Can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV:

- Triển khai cấp phát bao cao su miễn phí tại 100 điểm vui chơi, giải trí, nhà nghỉ, khách sạn trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai chương trình can thiệp giảm tác hại do Dự án hỗ trợ kỹ thuật Quỹ toàn cầu phòng, chống HIV/AIDS tài trợ trong nhóm đối tượng nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM) trên địa bàn tỉnh Gia Lai là 13 nhân viên TCCĐ trong đó 1 giám sát viên và 1 trưởng nhóm. Tiếp cận và cấp vật dụng can thiệp cho 500 đối tượng đích, giới thiệu làm xét nghiệm HIV cho 250 đối tượng và chuyển tiếp điều trị PrEP cho 100 đối tượng.

- Duy trì hoạt động 02 Cơ sở điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV bằng thuốc kháng HIV (PrEP) tại Phòng khám Đa khoa – Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và Trung tâm Y tế Hoài Nhơn; Phân đầu số lượng người tham gia điều trị PrEP ít nhất 01 lần đạt 100 bệnh nhân; hỗ trợ các xét nghiệm theo dõi điều trị PrEP trong khuôn khổ Dự án HTKT Quỹ toàn cầu tài trợ năm 2025.

- Thực hiện đúng quy định chuyên môn theo Quyết định 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 về việc ban hành Hướng dẫn Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS.

c) Hoạt động Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone:

- Duy trì hoạt động 02 Cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn tỉnh; Phân đầu duy trì điều trị cho 75 người nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone.

- Thực hiện thủ tục đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định Nghị định 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS); Nghị định 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Thực hiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone theo đúng quy định Quyết định số 4066/QĐ-BYT ngày 31/12/2024

về việc ban hành Hướng dẫn điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone.

- Thực hiện quản lý thuốc methadone theo đúng quy định Thông tư số 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 về hướng dẫn quản lý thuốc Methadone.

- Tham gia các lớp đào tạo mới, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ làm việc tại Cơ sở điều trị Methadone.

d) Hoạt động Tư vấn, xét nghiệm HIV:

- Đa dạng hóa các hình thức tư vấn xét nghiệm HIV. Triển khai cung cấp dịch vụ tư vấn, xét nghiệm HIV cố định tại cơ sở y tế, dịch vụ lưu động tại cộng đồng (đối tượng MSM), đăng ký nhận sinh phẩm tự xét nghiệm HIV trên trang Web: <https://tuxetnghiem.vn>.

- Tổ chức 02 lớp tập huấn về tư vấn, xét nghiệm HIV cho cán bộ y tế tuyến xã do Dự án hỗ trợ kỹ thuật Quỹ toàn cầu phòng, chống HIV/AIDS tài trợ.

- Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả xét nghiệm HIV theo Quyết định số 2674/QĐ-BYT ngày 27/4/2018 của Bộ Y tế; tiếp tục thực hiện tốt các quy trình chuẩn từ lấy mẫu, vận chuyển, thực hiện xét nghiệm, biện luận và trả kết quả, ghi chép biểu mẫu và quản lý số liệu, đảm bảo chất lượng xét nghiệm, an toàn sinh học phòng xét nghiệm, thông báo và báo cáo kết quả xét nghiệm; tiếp tục thực hiện các chương trình ngoại kiểm, nội kiểm... về đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm HIV; thực hiện nghiêm túc việc bảo trì, bảo dưỡng và hiệu chuẩn trang thiết bị phục vụ cho hoạt động xét nghiệm HIV theo đúng quy định.

- Thực hiện đúng quy định Thông tư số 04/2023/TT-BYT ngày 28/02/2023 của Bộ Y tế về Quy định hình thức, quy trình thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính và tiếp cận thông tin người nhiễm HIV.

- Đảm bảo kết nối chuyển gửi các trường hợp xét nghiệm HIV dương tính đến dịch vụ điều trị HIV; chuyển gửi các trường hợp nguy cơ cao có kết quả xét nghiệm âm tính tới dịch vụ điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV phù hợp.

- Tham dự các lớp tập huấn do tuyến Trung ương tổ chức;

đ) Hoạt động theo dõi, đánh giá, giám sát dịch HIV

- Số người nhiễm HIV được phát hiện mới là dưới 100 trường hợp.

- Phần đầu đạt 20.000 lượt người được xét nghiệm sàng lọc HIV thuộc các đối tượng ưu tiên giám sát phát hiện nhiễm HIV (theo quy định tại Thông tư 07/2023/TT-BYT ngày 04/4/2023) tại các cơ sở y tế sàng lọc HIV trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện xét nghiệm, giám sát phát hiện HIV khoảng 250 mẫu cho các đối tượng nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM) do Dự án Hỗ trợ kỹ thuật Quỹ toàn cầu Phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2024-2026 tài trợ.

- Cấp test xét nghiệm sàng lọc HIV cho cán phạm nhân tại Trại tạm giam - Công an tỉnh (150 đối tượng) và Trại giam Kim Sơn - Bộ Công an (1.000 đối tượng) do Dự án hỗ trợ kỹ thuật Quỹ toàn cầu phòng, chống HIV/AIDS tài trợ.

- Thực hiện giám sát dịch tễ học HIV/AIDS theo quy định tại Thông tư 07/2023/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 04/4/2023; cập nhật quy trình báo cáo đảm bảo giảm trùng lặp và thông tin ca bệnh được thu thập đầy đủ; tiếp tục áp dụng hệ thống phần mềm trực tuyến báo cáo chương trình HIV Info 4.1.

- Thực hiện giám sát và hỗ trợ kỹ thuật tại Bệnh viện, Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã/ phường;

- 100% Trạm Y tế xã, phường triển khai giám sát dịch tễ học HIV/AIDS theo đúng hướng dẫn quy định tại Thông tư 07/2023/TT-BYT;

- 100% Trạm Y tế xã, phường triển khai Báo cáo kết quả hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo đúng hướng dẫn quy định tại Thông tư 05/2023/TT-BYT;

- Tham dự các lớp tập huấn do tuyến trên tổ chức.

2. Mục tiêu 2: 90% số người đã chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị thuốc kháng vi rút HIV (ARV)

Chỉ tiêu:

- 90% số người đã chẩn đoán nhiễm HIV đang được quản lý tại địa phương tham gia điều trị thuốc kháng vi rút HIV (ARV).

- 98% bệnh nhân đang điều trị ARV có thẻ BHYT.

- 90% PNMT nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng thuốc ARV.

- 90% con của PNMT nhiễm HIV được dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng thuốc ARV.

- 90% trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được làm xét nghiệm chẩn đoán sớm nhiễm HIV (PCR) và kết nối với điều trị ARV khi trẻ có kết quả PCR dương tính

- 90% người nhiễm HIV bắt đầu điều trị ARV lần đầu đủ điều kiện điều trị dự phòng mắc Lao bằng INH.

- 90% bệnh nhân HIV mắc lao được điều trị ARV.

a) Hoạt động Chăm sóc, điều trị HIV/AIDS:

- Tiếp tục hỗ trợ cấp thẻ BHYT cho người nhiễm HIV theo quy định Nghị quyết 18/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đóng BHYT cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh đến khi cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới.

- Duy trì 05 Cơ sở điều trị HIV/AIDS tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai, Bệnh viện Đa khoa Gia Lai và Trung tâm Y tế Hoài Nhơn, Trung tâm Y tế An Khê, Trung tâm Y tế Phú Thiện tạo điều kiện thuận lợi cho người nhiễm HIV được tiếp cận với điều trị thuốc ARV; tiếp tục tổ chức điều trị ARV cho người nhiễm HIV trong Trại giam, Trại tạm giam (Cơ sở quản lý).

- Các Trung tâm Y tế: Chư Păh, IaGrai, Chư Prông đẩy nhanh tiến độ, điều trị HIV/AIDS cho người bệnh trong thời gian sớm nhất.

- Giám sát, hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn tại cơ sở điều trị ARV;

- Tổ chức 02 lớp tập huấn về tư vấn, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS cho cán bộ y tế tuyến xã do Dự án hỗ trợ kỹ thuật Quỹ toàn cầu phòng, chống HIV/AIDS tài trợ.

- Tổ chức 01 lớp tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống HIV/AIDS cho cán bộ y tế tuyến xã/ phường nguồn Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số.

- Tham dự các lớp tập huấn do tuyến trên tổ chức.

b) Hoạt động Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con:

Phối hợp giữa các cơ sở y tế có dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS) với hệ thống điều trị HIV/AIDS:

- Các Trung tâm Y tế, Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh, Bệnh viện Đa khoa khu vực thực hiện việc quản lý, chăm sóc phụ nữ mang thai trên địa bàn và triển khai hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai ưu tiên trong 3 tháng đầu thai kỳ và giai đoạn chuyển dạ.

- Tổ chức hướng dẫn các cơ sở y tế có dịch vụ CSSKSS về lợi ích và kỹ thuật trong triển khai can thiệp dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con;

- Tất cả Trung tâm Y tế kết nối chuyển gửi phụ nữ mang thai nhiễm HIV đến các Cơ sở điều trị HIV/AIDS tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai, Bệnh viện Đa khoa Gia Lai và Trung tâm Y tế Hoài Nhơn, Trung tâm Y tế An Khê, Trung tâm Y tế Phú Thiện; Cơ sở điều trị có trách nhiệm theo dõi, quản lý, điều trị ca bệnh, cặp mẹ - con nhằm đảm bảo tất cả phụ nữ mang thai nhiễm HIV và con của họ sau sinh đều được quản lý, theo dõi và được điều trị ARV;

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật phối hợp với các địa phương có trách nhiệm theo dõi, quản lý phụ nữ mang thai nhiễm HIV và cặp mẹ - con sau sinh đảm bảo các trường hợp này được điều trị ARV sớm và xét nghiệm PCR (DBS) cho trẻ khi được 4 - 6 tuần tuổi.

- Tăng cường và duy trì điều trị cho bệnh nhân nhiễm HIV còn sống đang được quản lý, hỗ trợ trẻ tiếp cận sớm với khám bệnh, chữa bệnh HIV qua BHYT.

c) Hoạt động lồng ghép phòng, chống Lao/HIV:

- Xây dựng quy trình kết nối chuyển gửi, phản hồi giữa các cơ sở phòng, chống lao với cơ sở điều trị HIV/AIDS và theo dõi quản lý ca bệnh HIV/Lao nhằm đảm bảo tất cả các trường hợp lao phát hiện nhiễm HIV đều được chuyển tiếp thành công đến cơ sở điều trị HIV/AIDS ngay khi bắt đầu điều trị lao.

- Tổng hợp số liệu theo dõi các trường hợp mắc lao phát hiện nhiễm HIV và nhiễm HIV mắc lao tại tất cả các cơ sở điều trị HIV và cơ sở điều trị lao; thông tin phản hồi về tình hình điều trị ARV, điều trị lao cho người bệnh HIV/Lao trong các cuộc giao ban Ban điều phối lao/HIV các tuyến.

3. Mục tiêu 3: 95% số người điều trị ARV được xét nghiệm tải lượng vi rút có kết quả thấp dưới ngưỡng ức chế

Chỉ tiêu:

- 95% số người đang điều trị ARV đủ điều kiện làm xét nghiệm tải lượng vi rút HIV được chỉ định làm xét nghiệm TLVR để theo dõi điều trị HIV có kết quả thấp dưới ngưỡng ức chế ;

Hoạt động:

- Các cơ sở điều trị HIV/AIDS xây dựng và triển khai Kế hoạch xét nghiệm tải lượng HIV trong theo dõi điều trị ARV trên cơ sở huy động nguồn lực từ các chương trình dự án, các quỹ hỗ trợ, quỹ bảo hiểm y tế. Thực hiện ký hợp đồng với các Cơ sở y tế đủ điều kiện làm xét nghiệm TLVR HIV theo quy định của Bộ Y tế.

- Phối hợp với các Cơ sở điều trị ARV theo dõi số liệu về tiến độ thực hiện xét nghiệm tải lượng HIV.

- Phối hợp với các Cơ sở điều trị ARV phân tích và xử trí kết quả xét nghiệm tải lượng HIV đã được thực hiện.

- Triển khai xét nghiệm tải lượng HIV trong theo dõi điều trị ARV (Quyết định 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 về việc ban hành Hướng dẫn Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS) trên cơ sở huy động nguồn lực từ các chương trình dự án, các quỹ hỗ trợ, quỹ bảo hiểm y tế; theo dõi số liệu về tiến độ thực hiện xét nghiệm tải lượng HIV và phân tích, xử trí kết quả xét nghiệm tải lượng HIV đã được thực hiện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí dự kiến tiếp tục triển khai trong 6 tháng cuối năm 2025: **1.088.454.781** đồng. (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng)

(Dự toán kinh phí thực hiện Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

- Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch. Hướng dẫn các Bệnh viện Đa khoa/chuyên khoa/khu vực và Trung tâm Y tế tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

- Tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư, hoá chất phục vụ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế cấp cơ sở nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về phòng, chống HIV/AIDS.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các Trung tâm Y tế tổ chức triển khai hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS.

- Thống kê, báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động theo quy định.
- Quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, thanh quyết toán kinh phí đúng quy định.
- Thực hiện tổng hợp, thống kê, báo cáo kết quả các hoạt động trên địa bàn tỉnh theo quy định; Báo cáo kết quả hoạt động và tiến độ giải ngân kinh phí được gửi về Sở Y tế theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm. Thời hạn nộp các báo cáo là trước ngày 10 của tháng kế tiếp quý đó và báo cáo năm phải được hoàn thành trước ngày 15/12/2025.

2. Phối hợp với Trung tâm Y tế trên địa bàn tỉnh

- Chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn, bảo đảm thực hiện đạt các chỉ tiêu chuyên môn; xây dựng Kế hoạch hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên cơ sở định hướng chung của tỉnh và sát với thực tế của địa phương. Chỉ đạo các xã, phường xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện.
- Chủ động đề xuất, báo cáo với UBND cấp xã, phường để bổ sung nhu cầu kinh phí tổ chức các chương trình, hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn quản lý.
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại các xã, phường.
- Tổ chức triển khai Tháng Hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS ở tất cả các xã, phường địa phương.
- Phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động tại cơ sở theo kế hoạch chung.
- Thống kê, báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động theo quy định.
- Xây dựng Kế hoạch, duy trì hoạt động điều trị ARV cho người nhiễm HIV, dự trữ và đảm bảo cung ứng đầy đủ nguồn thuốc.
- Thực hiện và phối hợp thực hiện các Báo cáo về điều trị HIV/AIDS theo chỉ đạo của Cục Phòng bệnh.
- Triển khai xét nghiệm tải lượng HIV trong theo dõi điều trị ARV (Quyết định 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 về việc ban hành Hướng dẫn Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS);

3. Phối hợp với các Bệnh viện Đa khoa/chuyên khoa/đa khoa khu vực: Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai, Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hoà, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku và các cơ sở y tế hoạt động xét nghiệm sàng lọc HIV/AIDS

- Xây dựng Kế hoạch, duy trì hoạt động điều trị ARV cho người nhiễm HIV, dự trữ và đảm bảo cung ứng đầy đủ nguồn thuốc.
- Thực hiện và phối hợp thực hiện các Báo cáo về điều trị HIV/AIDS theo chỉ đạo của Cục Phòng bệnh.

- Triển khai xét nghiệm tải lượng HIV trong theo dõi điều trị ARV (Quyết định 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 về việc ban hành Hướng dẫn Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS);

- Thực hiện Báo cáo giám sát dịch tễ học HIV/AIDS theo quy định tại Thông tư 07/2023/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 04/4/2023.

- Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con;

- Quản lý ca bệnh HIV/Lao nhằm đảm bảo tất cả các trường hợp lao phát hiện nhiễm HIV đều được chuyển tiếp thành công đến cơ sở điều trị HIV/AIDS ngay khi bắt đầu điều trị lao.

- Tổng hợp số liệu theo dõi các trường hợp mắc lao phát hiện nhiễm HIV và nhiễm HIV mắc lao trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động Phòng, chống HIV/AIDS bằng nguồn ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (báo cáo)
- Bệnh viện Phong-Da liễu Quy Hoà;
- Các BV Đa khoa/chuyên khoa/khu vực tuyến tỉnh;
- Các TTYT;
- Lãnh đạo TT;
- Khoa: Dược-VTYT; XN-CDHA-TDCN;
- Phòng khám Đa khoa;
- Phòng: KHN, TC-KT;
- Lưu: VT, PC HIV/AIDS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bá Tường Đăng Phong

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG KINH PHÍ CẦN PHÂN RÃ DỰ TOÁN CHI
Hoạt động Phòng chống HIV/AIDS ngân sách Nhà nước 6 tháng cuối năm 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 19 /KH-TTKSBT ngày 08/9/2025 của Trung tâm
Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025		
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm
1	Truyền thông Phòng, chống HIV/AIDS	49.364.000		49.364.000
2	Can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV	155.080.000		155.080.000
2.1	Mua bao cao su	110.080.000		110.080.000
2.2	Hoạt động điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Mua thuốc Methadone)	45.000.000		45.000.000
3	Xét nghiệm giám sát dịch HIV và theo dõi điều trị HIV/AIDS, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	800.526.601	3.213.800	797.312.801
3.1	Mua vật tư y tế và sinh phẩm	777.986.601	3.213.800	774.772.801
3.2	Tiền hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu	19.040.000	0	19.040.000
3.3	Thù lao người thực hiện tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV	3.500.000		3.500.000
4	Giám sát hoạt động và hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn phòng, chống HIV/AIDS, giám sát phát hiện HIV	74.364.180		74.364.180
5	Tập huấn triển khai công tác phòng, chống HIV	9.120.000		9.120.000
	TỔNG CỘNG	1.088.454.781	3.213.800	1.085.240.981

Số tiền bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng./

PHỤ LỤC 2
DỰ TOÁN CHI TIẾT

Kinh phí Hoạt động Phòng, chống HIV/AIDS bằng nguồn ngân sách Nhà nước 6 tháng cuối năm năm 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 19 /KH-TTKSBT ngày 08/9/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
I	GIA LAI ĐỒNG	559.165.601	3.213.800	555.951.601	
1	Truyền thông Phòng chống HIV/AIDS	-		-	
2	Can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV	155.000.000	-	155.000.000	
2.1	Mua bao cao su (Đối tượng cấp phát bao cao su theo Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024)	110.000.000		110.000.000	Điều 3 Chương II của Nghị định 141/2024/NĐ-CP; Điều 21 Luật 71/2020/QH14
2.2	Hoạt động điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Mua thuốc	45.000.000		45.000.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	Methadone)				
3	Xét nghiệm giám sát dịch HIV và theo dõi điều trị HIV/AIDS, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	375.386.601	3.213.800	372.172.601	Quyết định số 2674/QĐ-BYT ngày 27/4/2018; Quyết định 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021; Quyết định 4066/QĐ-BYT ngày 31/12/2024; Công văn 3033/BYT-KHTC năm 2020
3.1	Hóa chất, sinh phẩm	342.425.000		342.425.000	
3.1.1	Bộ hóa chất phù hợp với máy phân tích tế bào dòng chảy gồm: - 1 lọ 250ml dung dịch chứa nước (chất lỏng màu xanh, trong suốt) không có thành phần nguy hiểm.(250ml/lọ x 02 lọ) - 1 lọ 250ml dung dịch chứa nước (chất lỏng màu tím, trong suốt) không có	44.415.000		44.415.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	thành phần nguy hiểm.(250ml/lọ x 02 lọ) - 1 hộp gồm 100 test CD4 mAb PE là kháng thể đơn dòng từ chuột, đóng gói cùng chất đệm PBS với 0,2% BSA và 0,09% natri azid.(100 test/hộp x 02 hộp) - 1 lọ 25ml, thành phần là các hạt trong dung dịch chứa nước.(25ml/lọ x 02 lọ) - 1 can 5 lít dung dịch chứa nước.(5lit/can x 02 can)				
3.1.2	Test HIV1/2 (11.000 test x 19.000 đ/test)	209.000.000		209.000.000	
3.1.3	Dertemin HIV 1/2 (Quy cách 100 test/hộp) (200 test x 55.000 đ/test)	11.000.000		11.000.000	
3.1.4	SD HIV 1/2 (Quy cách 100 test/hộp) (200 test x 35.750 đ/test)	7.150.000		7.150.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
3.1.5	Elisa HIV-1/2 (96 test/hộp) (960 test x 66.500 đ/test)	63.840.000		63.840.000	
3.1.6	Test Morphin (50 test/hộp) (200 test x 9.000 đ/test)	1.800.000		1.800.000	
3.17	Test gây nghiện bốn chỉ số (15 test/hộp) (90 test x 58.000 đ/test)	5.220.000		5.220.000	
3.2	Vật tư Y tế	32.961.601	3.213.800	29.747.801	
3.2.1	Cồn y tế 96° (20 lít x 35.000 đồng/lít)	900.000	900.000	0	
3.2.2	Presep 2 (5g 50%+22,5%+27,5% Lọ 100 viên x 2,5g) (02 lọ x 880.000 đồng/lọ)	1.760.000	0	1.760.000	
3.2.3	Ống Cryo tube 1,8 ml có nắp vặn; 100 ống/bì (200 ống x 4.000 đồng/ống)	800.000	0	800.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
3.2.4	Hộp PC chứa tube cryo (100 ống/Hộp x 02 hộp x 260.000 đồng/hộp)	520.000	448.000	72.000	
3.2.5	Hộp an toàn đựng bơm tiêm đã qua sử dụng (50 hộp x 17.500 đồng/hộp)	875.000	785.000	90.000	
3.2.6	Hộp nhựa bé đựng chất thải sắc nhọn (chất liệu nhựa HDPE nguyên sinh 100% có độ bền cơ học cao, chống sự ăn mòn của hóa chất) (12 hộp x 28.000 đồng/hộp)	336.000	244.800	91.200	
3.2.7	Túi đựng chất thải y tế màu vàng (kích thước 40x70 cm, Chất liệu: nhựa HDPE, nhựa PE) (5 kg x 70.000 đồng/kg)	350.000	189.000	161.000	
3.2.8	Túi đựng chất thải y tế màu xanh (kích thước 40x70 cm, Chất liệu: nhựa HDPE, nhựa PE) (5kg x 70.000	350.000	315.000	35.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	đồng/kg)				
3.2.9	Bơm kim tiêm 5ml (10.000 cái) (10.000 cái x 453đ/cái)	4.530.000		4.530.000	
3.2.10	Ống nghiệm nhựa có nắp (15.000 ống) (10.000 ống x 1.000đ/ống)	15.000.000		15.000.000	
3.2.11	Dây garo lấy máu có khóa (05 cái x 21.000 đ/cái)	105.000		105.000	
3.2.12	Đầu côn xanh 1000 µl (500 cái/bì x 02 bì x 70.00đ/bì))	360.000	332.000	360.000	
3.2.13	Găng tay y tế (4.000 đôi x 1.768đ/đôi)	7.075.601	0	7.075.601	
4	Giám sát hoạt động và hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn phòng, chống HIV/AIDS, giám sát phát hiện HIV:	28.779.000		28.779.000	<i>Quyết định 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 của</i>

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	Hoạt động kiểm tra, đánh giá, giám sát chuyên môn và hỗ trợ kỹ thuật, giám sát phát hiện HIV (Phụ cấp lưu trú, xăng xe...)				TTKSBT tỉnh Gia Lai
4.1	Phụ cấp lưu trú (6 người x 02 ngày x 150.000đ/ngày + 6 người x 08 ngày x 200.000đ/ngày + 01 người x 01 ngày x 200.000đ/ngày) x 01 đợt/năm	13.500.000		13.500.000	
4.2	Tiền xăng xe (3.216 km x 0,185 lít/km) x 24.000đ	14.279.000		14.279.000	Chi theo thực tế
4.3	Phí cầu đường	1.000.000		1.000.000	Chi theo thực tế
5	Tập huấn triển khai công tác phòng, chống HIV	0		0	
II	GIA LAI TÂY	578.765.180	0	5.77.155.180	
1	Truyền thông Phòng chống HIV/AIDS: Dự phòng lây nhiễm HIV	49.364.000		49.364.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	(Tổ chức Lễ mít tinh hưởng ứng Ngày Thế giới phòng, chống HIV/AIDS; thanh thiếu niên Gia Lai trong hoạt động Phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh)				
1.1	Văn nghệ chào mừng: (luyện tập) 15 người x 5 ngày x 100.000 đ/người/ngày	7.500.000		7.500.000	
1.2	Văn nghệ chào mừng: (biểu diễn) 15 người x 1 buổi x 150.000 đ/người/buổi	2.250.000		2.250.000	
1.3	Thuê trang phục và đạo cụ biểu diễn	3.000.000		3.000.000	
1.4	Hoa tươi (04 lẵng x 308.500 đ/lẵng)	1.234.000		1.234.000	
1.5	Phông bạt sân khấu: KT: 4m x 3 m, in màu trên bạt Hiflex, khung gỗ	3.000.000		3.000.000	
1.6	Băng rôn: KT: 1m x 5,5m, in màu trên Bạt Hiflex (03 cái x 760.000 đ/cái)	2.280.000		2.280.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
1.7	Cờ chuối, in thông điệp về PCTH của thuốc lá trên bạt Hiflex, kích thước 50 x 80cm, cán nhựa (50 cái x 90.000 đ/cái)	4.500.000		4.500.000	
1.8	Nước uống (200 suất x 5.000 đ/suất)	1.000.000		1.000.000	
1.9	Xăng xe cho đội công an dẫn đường (02 xe x 100.000 đ/xe)	200.000		200.000	
1.10	Huy động bệnh viện đa khoa Gia Lai chi xăng xe (01 xe x 200.000 đ/xe)	200.000		200.000	
1.11	Xe loa diễu hành (01 xe + bộ âm thanh) x 5.000.000 đ/xe	5.000.000		5.000.000	
1.12	Chi hỗ trợ cho người trực tiếp tham gia đội tuyên truyền lưu động (đội xe gắn máy tuyên truyền lưu động) 87 người x 50.000 đ/người	4.350.000		4.350.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
1.13	Khoản xăng xe máy cho người trực tiếp tham gia đội tuyên truyền lưu động (02 người 01 xe) có gắn cờ chuỗi (40 xe x 30.000 đ/xe)	1.200.000		1.200.000	
1.14	Thuê Hội trường 100-150 người (6.000.000 đ/buổi)	6.000.000		6.000.000	
1.15	Thuê âm thanh, ánh sáng (7.650.000 đ/buổi)	7.650.000		7.650.000	
2	Can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV	80.000		80.000	
	Mua bao cao su (Đối tượng cấp phát bao cao su theo Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024)	80.000		80.000	Điều 3 Chương II của Nghị định 141/2024/NĐ-CP; Điều 21 Luật 71/2020/QH14
3	Xét nghiệm giám sát dịch HIV và	402.600.000		402.600.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	theo dõi điều trị HIV/AIDS, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế				
3.1	<i>Mua sinh phẩm, vật tư XN HIV cho các đối tượng có nguy cơ và phụ nữ mang thai.</i>	339.440.000		339.440.000	Quyết định số 2674/QĐ-BYT ngày 27/4/2018
3.1.1	Test HIV1/2 (8.000 test x 31.000 đ/test)	248.000.000		248.000.000	
3.1.2	Dertemin HIV 1/2 (Quy cách 100 test/hộp) (200 test x 50.000 đ/test)	10.000.000		10.000.000	
3.1.3	SD HIV 1/2 (Quy cách 100 test/hộp) (200 test x 37.000 đ/test)	7.400.000		7.400.000	
3.1.4	Elisa HIV-1/2 (Murex HIV Ag/Ab Combination) (96 test/hộp) (1.290 test x 55.000 đ/test)	70.960.000		70.960.000	
3.1.5	Advanced Quality Rapid Anti HIV	3.080.000		3.080.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	(Quy cách 40 test/hộp) (140 test x 22.000đ/test)				
3.2	Mua sinh phẩm, vật tư và triển khai xét nghiệm HIV, giang mai trong giám sát trọng điểm HIV cho nhóm nam tiêm chích ma túy	13.160.000		13.160.000	Quyết định số 2674/QĐ-BYT ngày 27/4/2018
3.2.1	Advanced Quality Rapid Anti Syphilis (200 test x 41.000đ/test)	8.200.000	0	8.200.000	
3.2.2	Test HIV 1/2 (160 test x 31.000 đ/test)	4.960.000		4.960.000	
3.3	Mua vật tư, hóa chất thông dụng, nội dung khác phục vụ xét nghiệm HIV	50.000.000		50.000.000	Quyết định số 2674/QĐ-BYT ngày 27/4/2018; Thông tư 07/2023/TT-BYT; Công văn 374/KSBT-HIV ngày 25/5/2025 của Cục Phòng bệnh
3.3.1	Cồn y tế 96° (30 lít x 35.000 đồng/lít)	1.050.000		1.050.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
3.3.2	Presep 2 (5g 50%+22,5%+27,5% Lọ 100 viên x 2,5g) (04 lọ x 880.000 đồng/lọ)	3.520.000		3.520.000	
3.3.3	Ống Cryo tube 2ml có nắp vặn; 100 ống/bì (3000 ống x 4.000 đồng/ống)	12.000.000		12.000.000	
3.3.4	Hộp PC chứa tube cryo (100 ống/Hộp x 03 hộp x 260.000 đồng/hộp)	780.000		780.000	
3.3.5	Hộp an toàn đựng bơm tiêm đã qua sử dụng (100 hộp x 28.000 đồng/hộp)	2.800.000		2.800.000	
3.3.6	Túi đựng chất thải y tế màu vàng (kích thước 40x70 cm, Chất liệu: nhựa HDPE, nhựa PE) (20 kg x 70.000 đồng/kg)	1.400.000		1.400.000	
3.3.7	Túi đựng chất thải y tế màu xanh (kích thước 40x70 cm, Chất liệu: nhựa	700.000		700.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	HDPE, nhựa PE) (10kg x 70.000 đồng/kg)				
3.3.8	Bơm kim tiêm 5ml (10.000 cái) (10.000 cái x 801đ/cái)	8.010.000		8.010.000	
3.3.9	Găng tay y tế (8000 đôi x 1.600đ/đôi)	12.800.000		12.800.000	
3.3.10	Khẩu trang y tế (8.000 cái) 8.000 cái x 560đ/cái)	4.480.000		4.480.000	
3.3.11	Đầu col vàng (20.000 cái) (1000 cái/ bì) (20 bì x 123.000)	2.460.000		2.460.000	
3.4	Hỗ trợ người lấy bệnh phẩm, mẫu máu XN HIV (Giám sát phát hiện 2.570 mẫu x 7.000 đ/mẫu) và (Giám sát trọng điểm 150 mẫu x 7.000 đ/mẫu)	19.040.000	0	19.040.000	Điểm b, khoản 2, điều 2, Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023
3.5	Thù lao người thực hiện tư vấn	3.500.000	0	3.000.000	Điểm b, khoản 1, điều

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	<i>thường xuyên trong xét nghiệm giám sát phát hiện tại cơ sở xét nghiệm HIV của CDC (1 người x 500.000đ/tháng)</i>				2, Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023
4	Giám sát hoạt động và hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn phòng, chống HIV/AIDS, giám sát phát hiện HIV <i>Hoạt động kiểm tra, đánh giá, giám sát chuyên môn và hỗ trợ kỹ thuật, giám sát phát hiện HIV (Phụ cấp lưu trú, xăng xe...)</i>	45.585.180	0	45.585.180	
4.1	Chi kiểm tra, giám sát tuyến tỉnh (tỉnh giám sát và hỗ trợ kỹ thuật tuyến huyện và xã/ phường thời gian 2 ngày/1 đêm)	28.884.380	0	28.884.380	<i>Quyết định 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 của TTKSBT tỉnh Gia Lai</i>
-	Tiền công tác phí tại (Ia Grai, Kbang, An Khê, Kông Chro, Đăk Pơ)	14.000.000	0	14.000.000	
+	Tiền công tác phí tại Ia Grai (2 ngày x 5 người x 200.000đ/ngày/người)	2.000.000	0	2.000.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
+	Tiền Công tác phí tại Kbang, An Khê, Kông Chro, Đăk Pơ (8 ngày x 5 người x 300.000đ/ngày/người x 01 đợt)	12.000.000	0	12.000.000	
-	Tiền phụ cấp lưu trú (6 đêm x 5 người x 300.000đ/ đêm x 01 đợt)	9.000.000	0	9.000.000	
-	Vé đường bộ (4 vé x 58000đ x 01 đợt)	232.000	0	232.000	Chi theo thực tế
-	Xăng xe: Từ TT KSBT đến TTYT huyện (Dự tính: 100km/ 22.5 lít xăng)	5.652.380	0	5.652.380	Đơn vị thanh toán theo thực tế phát sinh, hồ sơ, chứng từ thanh toán đảm bảo đúng quy định
4.2	Chi hoạt động mở mới cơ sở điều trị HIV (ARV) hoặc giám sát phát hiện HIV	16.700.800	0	16.700.800	<i>Quyết định 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 của TTKSBT tỉnh Gia Lai</i>
-	Tiền công tác phí tại (Krông Pa, Ia Pa, Ayun Pa + Phú Thiện, Chư Puh + Chư Sê,	6.800.000	0	6.800.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	Đức Cơ + Chư Prông, Kbang, An Khê, Đăk Pơ, Mang Yang + Đăk Đoa, Chư Păh + Ia Grai) (7 ngày x 4 người x 200.000đ/ngày/người + 2 ngày x 4 người x 150.000đ/ngày/người)				
-	Vé đường bộ (12 vé x 58.000đ)	696.000	0	696.000	Chi theo thực tế
-	Xăng xe: Từ TT KSBT đến các phân trại (Dự tính: 1.800km/ 22.5 lít xăng)	9.204.800	0	9.204.800	Đơn vị thanh toán theo thực tế phát sinh, hồ sơ, chứng từ thanh toán đảm bảo đúng quy định
5	Tập huấn triển khai công tác phòng, chống HIV	9.120.000	0	9.120.000	<i>Quyết định 52/QĐ-TTKSBT ngày 27/8/2025 của TTKSBT tỉnh Gia Lai</i>
5.1	Thù lao cho giảng viên (1 người/2 ngày x	4.000.000	0	4.000.000	

TT	Nội dung chi	Dự toán còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025			Ghi chú
		Tổng	KP đã thực hiện trước 30/6/2025 chưa giải ngân	Số KP thực hiện 6 tháng cuối năm	
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	
	2.000.000đ/ngày/người)				
5.2	Nước uống, giải khát (36 người/2 ngày x 50.000đ/ngày/người)	3.600.000	0	3.600.000	
5.3	Văn phòng phẩm cho học viên (bút, bìa nút, tập...(36 người x 10.000đ/bộ/người)	360.000	0	360.000	
5.4	Photo tài liệu, trang bìa, đóng tập 36 người x 30.000đ/bộ/người)	1.152.000	0	1.152.000	
5.5	Chi khác	8.000	0	8.000	
	Tổng cộng: I+II	1.088.454.781	3.213.000	1.085.24.981	

Số tiền bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng./.

Handwritten signature